

THÔNG BÁO

V/v tổ chức sinh hoạt lớp học kỳ I năm học 2025 - 2026

- Kính gửi: - Các Khoa quản lý sinh viên;
- VP Chương trình tiên tiến;
- Giáo viên chủ nhiệm;
- Trung tâm Dịch vụ;
- Các lớp sinh viên từ khoá 66 đến khoá 69.

Thực hiện quy định Tuần sinh hoạt Công dân - sinh viên và Sinh hoạt lớp mỗi học kỳ ban hành kèm theo Quyết định số 2008/QĐ-MĐC ngày 31/12/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Thực hiện Kế hoạch năm học 2025 - 2026;

Nhà trường đề nghị các Khoa chuyên môn chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm (GVCN) tổ chức thực hiện sinh hoạt lớp cho sinh viên hệ chính quy như sau:

1. **Thời gian:** Chủ nhật, ngày 17/8/2025 và 24/8/2025 (lịch kèm theo).

2. **Địa điểm:** trực tiếp trên các giảng đường.

3. **Phân công nhiệm vụ:**

3.1 **Các giáo viên chủ nhiệm, các lớp sinh viên:**

- GVCN tổ chức sinh hoạt lớp chấm điểm rèn luyện để xét học bổng, khen thưởng học kỳ 2 năm học 2024 - 2025;

- Thông báo về kế hoạch học tập năm học 2025 - 2026 đã được Nhà trường phê duyệt và giải quyết những vướng mắc của sinh viên;

- Rà soát tổng hợp báo cáo danh sách sinh viên thực hiện Luật BHYT, thông báo và tiếp nhận các phản hồi của sinh viên về chế tài xử lý với các sinh viên không thực hiện Luật BHYT;

- Rà soát và thông báo hình thức kỷ luật đối với sinh viên vi phạm quy định về học phí, BHYT, SHL (các sinh viên không đóng BHYT theo quy định sẽ bị trừ điểm rèn luyện và không được xét học bổng, khen thưởng học kỳ 2 năm học 2024 - 2025; sinh viên không thực hiện SHL sẽ không được công nhận điểm rèn luyện và phải thực hiện SHL bổ sung theo quy định hiện hành);

- Rà soát và đối chiếu danh sách sinh viên thuộc phân hệ lớp quản lý, tổng hợp các vấn đề bất thường của lớp phụ trách vào biên bản sinh hoạt lớp để bàn giao cho Khoa chủ quản và các phòng chức năng.

- Thông báo các chế tài xử lý đối với sinh viên chưa hoàn thành các nghĩa vụ theo quyết định.

- GVCN cho sinh viên ký cam kết không vi phạm luật phòng chống ma túy, mại dâm, luật an toàn giao thông và luật an ninh mạng.

3.2 **Khoa chủ quản, VP Chương trình tiên tiến**

- Giao BCN Khoa, VP Chương trình tiên tiến rà soát và tổ chức SHL cho các sinh viên khoá cuối còn tồn đọng (sinh viên K65 khối kỹ thuật và K66 khối kinh tế trở về trước);



- Đôn đốc sinh viên tham gia đầy đủ và tổ chức đợt sinh hoạt lớp nghiêm túc, có hiệu quả.

- Sau khi kết thúc đợt sinh hoạt lớp 10 ngày các khoa thống kê các dữ liệu để phục vụ công tác đánh giá tác vụ của GVCN (theo mẫu); nộp cho phòng Công tác Chính trị - Sinh viên các báo cáo tổng hợp gồm: dữ liệu điểm rèn luyện các lớp sinh viên (bản cứng có xác nhận BCN Khoa, VP Chương trình tiên tiến, bản mềm qua email), biên bản SHL (theo mẫu), biên bản rà soát dữ liệu BHYT, biên bản rà soát học phí, bản kê khai dữ liệu đánh giá tác vụ của GVCN phục vụ cho công tác đánh giá năm học 2024 - 2025.

3.3 Các phòng ban chức năng trong toàn trường

- Giao phòng Công tác Chính trị - Sinh viên thực hiện kiểm tra quân số để đảm bảo tính nghiêm túc, kỷ luật và minh bạch của đợt SHL và chấm điểm rèn luyện;

- Thống kê tình hình sinh hoạt lớp của GVCN để phục vụ công tác đánh giá tác vụ năm học 2024 - 2025;

- Trung tâm Dịch vụ mở cửa các giảng đường, bố trí nhân sự coi xe theo lịch SHL;

- Phòng Cơ sở vật chất bố trí trực các phòng nước GV theo lịch sinh hoạt lớp;

Ngoài các đơn vị được phân công ở trên, đề nghị các đơn vị trong toàn trường chủ động triển khai các công việc theo chức năng nhiệm vụ để đảm bảo kế hoạch sinh hoạt lớp được thực hiện nghiêm túc.

Nơi nhận: 

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Như kính gửi (để thực hiện);
- Lưu: HCTH, CTSV₍₀₂₎.

KT. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS *Triệu Hùng Trường*

LỊCH SINH HOẠT LỚP HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2025 - 2026 TỪ K66 ĐẾN K69

(kèm theo Thông báo số 458 /TB- MĐC ngày 05 tháng 8 năm 2025)

STT	Lớp	Khoa	Sĩ số	Tiết	Phòng	Ngày
1	Công nghệ phần mềm B-K66	CNTT	45	4,5	A301	17/8/2025
2	Công nghệ thông tin (CLC)-K66A2	CNTT	24	7,8	A301	17/8/2025
3	Tin học Kinh tế C-K66	CNTT	43	4,5	A303	17/8/2025
4	Tin học Kinh tế D-K66	CNTT	42	4,5	A303	17/8/2025
5	Khoa học máy tính ứng dụng A-K66	CNTT	44	7,8	A303	17/8/2025
6	Khoa học máy tính ứng dụng B-K66	CNTT	39	7,8	A303	17/8/2025
7	Khoa học máy tính ứng dụng D-K66	CNTT	43	4,5	A306	17/8/2025
8	Hệ thống thông tin D-K66	CNTT	47	7,,8	A306	17/8/2025
9	Công nghệ phần mềm E-K66	CNTT	46	9,10	A308	17/8/2025
10	Công nghệ thông tin (CLC)-K66A1	CNTT	27	4,5	A401	17/8/2025
11	Tin học Kinh tế E-K66	CNTT	43	4,5	B203	17/8/2025
12	Khoa học Dữ liệu-K66	CNTT	47	9,10	B203	17/8/2025
13	Tin học Kinh tế A-K66	CNTT	43	9,10	B204	17/8/2025
14	Công nghệ phần mềm D-K66	CNTT	43	2,3	B205	17/8/2025
15	Mạng máy tính C-K66	CNTT	42	9,10	B205	17/8/2025
16	Khoa học máy tính ứng dụng E-K66	CNTT	44	7,8	B207	17/8/2025
17	Công nghệ thông tin địa học C-K66	CNTT	54	2,3	B303	17/8/2025
18	Công nghệ thông tin địa học D-K66	CNTT	43	9,10	B303	17/8/2025
19	Công nghệ phần mềm C-K66	CNTT	45	7,8	B404	17/8/2025
20	Công nghệ phần mềm A-K66	CNTT	46	2,3	B405	17/8/2025
21	Hệ thống thông tin E-K66	CNTT	50	4,5	B405	17/8/2025
22	Công nghệ thông tin địa học E-K66	CNTT	44	9,10	B405	17/8/2025
23	Công nghệ thông tin địa học B-K66	CNTT	56	2,3	D1-1	17/8/2025
24	Công nghệ thông tin địa học A-K66	CNTT	57	4,5	D1-1	17/8/2025
25	Mạng máy tính B-K66	CNTT	45	7,8	D1-1	17/8/2025
26	Tin học Kinh tế B-K66	CNTT	43	9,10	D1-1	17/8/2025
27	Hệ thống thông tin A-K66	CNTT	44	2,3	D5-2	17/8/2025
28	Hệ thống thông tin B-K66	CNTT	47	7,8	D5-2	17/8/2025
29	Hệ thống thông tin C-K66	CNTT	49	7,8	D5-2	17/8/2025
30	Công nghệ thông tin (CLC)_K67B	CNTT	28	2,3	A301	17/8/2025
31	Công nghệ thông tin (CLC)_K67A	CNTT	31	9,10	A301	17/8/2025
32	Tin học kinh tế A-K67	CNTT	42	2,3	A303	17/8/2025
33	Khoa học máy tính ứng dụng B-K67	CNTT	42	9,10	A303	17/8/2025
34	Khoa học máy tính ứng dụng A-K67	CNTT	42	2,3	A306	17/8/2025
35	Khoa học máy tính ứng dụng C-K66	CNTT	43	4,5	A306	17/8/2025

36	Hệ thống thông tin B-K67	CNTT	32	9,10	A306	17/8/2025
37	Công nghệ phần mềm A-K67	CNTT	46	7,8	A308	17/8/2025
38	Công nghệ thông tin (CLC)_K67C	CNTT	29	2,3	A401	17/8/2025
39	Tin học kinh tế B-K67	CNTT	38	2,3	B203	17/8/2025
40	Khoa học Dữ liệu_K67B	CNTT	52	2,3	B204	17/8/2025
41	Công nghệ phần mềm C-K67	CNTT	43	4,5	B205	17/8/2025
42	Mạng máy tính A-K67	CNTT	40	7,8	B205	17/8/2025
43	Công nghệ thông tin địa học B-K67	CNTT	43	7,8	B303	17/8/2025
44	Công nghệ thông tin địa học C-K67	CNTT	42	2,3	B404	17/8/2025
45	Công nghệ phần mềm B-K67	CNTT	44	9,10	B404	17/8/2025
46	Công nghệ thông tin địa học A-K67	CNTT	41	7,8	B405	17/8/2025
47	Hệ thống thông tin A-K67	CNTT	51	4,5	D5-2	17/8/2025
48	Hệ thống thông tin C-K67	CNTT	33	9,10	D5-2	17/8/2025
49	Khoa học dữ liệu A-K68	CNTT	28	7,8	B203	17/8/2025
50	Khoa học dữ liệu B-K68	CNTT	27	7,8	B204	17/8/2025
51	Khoa học máy tính ứng dụng K68	CNTT	12	9,10	B205	17/8/2025
52	Công nghệ thông tin địa học K68	CNTT	12	4,5	B404	17/8/2025
53	Hệ thống thông tin K68	CNTT	13	2,3	D5-2	17/8/2025
54	Khoa học dữ liệu B-K69	CNTT	37	4,5	B204	17/8/2025
55	Khoa học dữ liệu A-K69	CNTT	43	4,5	B303	17/8/2025
56	Công nghệ Chế tạo máy K66	Cơ - Điện	37	2,3	A402	17/8/2025
57	Kỹ thuật cơ khí động lực K66	Cơ - Điện	22	4,5	A402	17/8/2025
58	Cơ khí ô tô k66	Cơ - Điện	36	2,3	A406	17/8/2025
59	KT ĐK & Tự động hóa A1 K66	Cơ - Điện	63	7,8	D2-1	17/8/2025
60	KT ĐK & Tự động hóa A2 K66	Cơ - Điện	55	9,10	D2-1	17/8/2025
61	KT ĐK & Tự động hóa C1 K66	Cơ - Điện	58	9,10	D2-1	17/8/2025
62	KT ĐK & Tự động hóa B1 K66	Cơ - Điện	59	2,3	D3-1	17/8/2025
63	KT ĐK & Tự động hóa B2 K66	Cơ - Điện	56	2,3	D3-1	17/8/2025
64	Cơ điện tử K66A	Cơ - Điện	42	2,3	D4-1	17/8/2025
65	Công nghệ Chế tạo máy K67A	Cơ - Điện	34	7,8	A404	17/8/2025
66	Công nghệ Chế tạo máy K67B	Cơ - Điện	38	9,10	A404	17/8/2025
67	Kỹ thuật ô tô C K67	Cơ - Điện	44	4,5	A406	17/8/2025
68	Hệ thống điện K67	Cơ - Điện	31	7,8	A406	17/8/2025
69	Tự động hóa C K67	Cơ - Điện	56	2,3	A408	17/8/2025
70	Điện Công nghiệp K67	Cơ - Điện	41	7,8	A408	17/8/2025
71	Tự động hóa B K67	Cơ - Điện	50	2,3	D2-1	17/8/2025
72	Tự động hóa A K67	Cơ - Điện	57	4,5	D2-1	17/8/2025
73	KT Robot và trí tuệ nhân tạo K67	Cơ - Điện	21	4,5	D3-1	17/8/2025
74	Kỹ thuật ô tô K67A	Cơ - Điện	42	4,5	D4-1	17/8/2025

75	Kỹ thuật ô tô K67B	Cơ - Điện	46	4,5	D4-1	17/8/2025
76	Kỹ thuật cơ điện tử A K67	Cơ - Điện	55	7,8	D4-1	17/8/2025
77	Kỹ thuật cơ điện tử B K67	Cơ - Điện	52	7,8	D4-1	17/8/2025
78	Kỹ thuật cơ điện tử C K67	Cơ - Điện	52	9,10	D4-1	17/8/2025
79	Công nghệ Chế tạo máy K68	Cơ - Điện	56	7,8	A402	17/8/2025
80	Kỹ thuật cơ khí động lực K68	Cơ - Điện	58	9,10	A402	17/8/2025
81	Kỹ thuật cơ điện tử K68	Cơ - Điện	48	2,3	A404	17/8/2025
82	Tự động hóa A K68	Cơ - Điện	33	7,8	D3-1	17/8/2025
83	Tự động hóa B K68	Cơ - Điện	31	7,8	D3-1	17/8/2025
84	KT Robot và trí tuệ nhân tạo K68	Cơ - Điện	34	9,10	D3-1	17/8/2025
85	Kỹ thuật ô tô K69	Cơ - Điện	66	4,5	A404	17/8/2025
86	Điện công nghiệp A K69	Cơ - Điện	50	9,10	A406	17/8/2025
87	Tự động hóa K69	Cơ - Điện	58	4,5	A408	17/8/2025
88	KT Robot và trí tuệ nhân tạo K69	Cơ - Điện	43	4,5	A408	17/8/2025
89	Điện khí hoá mỏ K69	Cơ - Điện	33	9,10	A408	17/8/2025
90	Kỹ thuật cơ khí động lực A K69	Cơ - Điện	38	2,3	B201	17/8/2025
91	Kỹ thuật cơ khí động lực B K69	Cơ - Điện	41	4,5	B201	17/8/2025
92	Thiết bị dầu khí K66	Dầu khí và NL	19	2,3	B401	17/8/2025
93	Khoan khai thác K66	Dầu khí và NL	16	2,3	D4-3	17/8/2025
94	Kỹ thuật địa vật lý K67	Dầu khí và NL	2	7,8	B201	17/8/2025
95	Quản lý dữ liệu khoa học trái đất K67	Dầu khí và NL	2	7,8	B201	17/8/2025
96	Công nghệ số trong thăm dò & KT tài nguyên TN K67	Dầu khí và NL	3	7,8	B201	17/8/2025
97	Khoan Khai thác dầu khí K67	Dầu khí và NL	13	2,3	B507	17/8/2025
98	Kỹ thuật khí thiên nhiên K67	Dầu khí và NL	5	2,3	B507	17/8/2025
99	Công nghệ kỹ thuật hóa học 67	Dầu khí và NL	28	4,5	B507	17/8/2025
100	Kỹ thuật địa vật lý K68	Dầu khí và NL	4	9,10	B201	17/8/2025
101	Quản lý dữ liệu khoa học trái đất K68	Dầu khí và NL	8	9,10	B201	17/8/2025
102	Công nghệ số trong thăm dò & KT tài nguyên TN 68	Dầu khí và NL	1	9,10	B201	17/8/2025
103	Khoan Khai thác dầu khí K68	Dầu khí và NL	23	7,8	B401	17/8/2025
104	Thiết bị dầu khí K68	Dầu khí và NL	33	7,8	B506	17/8/2025
105	Địa chất dầu khí K68	Dầu khí và NL	26	7,8	B507	17/8/2025
106	Công Nghệ Kỹ Thuật Hoá Học K68	Dầu khí và NL	26	9,10	B507	17/8/2025
107	Thiết bị dầu khí K69	Dầu khí và NL	31	4,5	B401	17/8/2025
108	Kỹ thuật khí thiên nhiên K69	Dầu khí và NL	12	9,10	B401	17/8/2025
109	Công Nghệ Kỹ Thuật Hoá Học K69	Dầu khí và NL	28	4,5	B506	17/8/2025
110	Khoan Khai thác K69	Dầu khí và NL	36	4,5	D4-3	17/8/2025
111	Chương trình tiên tiến K67	Chương trình tiên tiến	4	7,8	A201	17/8/2025

112	Chương trình tiên tiến K68	Chương trình tiên tiến	7	2,3	A201	17/8/2025
113	Chương trình tiên tiến K69	Chương trình tiên tiến	8	4,5	A201	17/8/2025
114	KT Môi trường K66	Môi trường	16	2,3	D3-3	17/8/2025
115	QL Tài nguyên & Môi trường K67	Môi trường	61	7,8	D4-2	17/8/2025
116	Kỹ thuật Môi trường K67 + Liên thông MT	Môi trường	21	2,3	D5-3	17/8/2025
117	KT Môi trường - K68	Môi trường	26	4,5	D5-3	17/8/2025
118	QL tài nguyên và MT - K68 A	Môi trường	36	7,8	D5-3	17/8/2025
119	QL tài nguyên và MT - K68 B	Môi trường	35	9,10	D5-3	17/8/2025
120	Kỹ thuật môi trường K69	Môi trường	55	2,3	A308	17/8/2025
121	Quản lý tài nguyên và môi trường K69 A	Môi trường	36	4,5	A308	17/8/2025
122	Quản lý tài nguyên và môi trường K69 B	Môi trường	37	9,10	D3-3	17/8/2025
123	Các lớp tồn đọng khoa Môi trường	Môi trường		2,3	D3-3	17/8/2025
124	Trắc địa - Bản đồ_K66-01	Trắc địa BD & QLĐĐ	15	2,3	D3-2	17/8/2025
125	Trắc địa - Bản đồ_K66-06	Trắc địa BD & QLĐĐ	19	2,3	D3-2	17/8/2025
126	Địa tin học_K66	Trắc địa BD & QLĐĐ	19	7,8	D4-3	17/8/2025
127	Quản lý đất đai K67 C	Trắc địa BD & QLĐĐ	35	2,3	B207	17/8/2025
128	Địa tin học K67	Trắc địa BD & QLĐĐ	29	7,8	D3-2	17/8/2025
129	Quản lý đất đai K67 A	Trắc địa BD & QLĐĐ	44	7,8	D3-3	17/8/2025
130	Trắc địa BD K67	Trắc địa BD & QLĐĐ	29	2,3	D3-4	17/8/2025
131	Trắc địa K67 + Liên thông TĐ	Trắc địa BD & QLĐĐ	24	2,3	D3-4	17/8/2025
132	Q.lý P.triển đô thị và BĐS K67	Trắc địa BD & QLĐĐ	45	9,10	D3-4	17/8/2025
133	Quản lý đất đai K67 B	Trắc địa BD & QLĐĐ	40	2,3	D4-2	17/8/2025
134	Quản lý đất đai K68 B	Trắc địa BD & QLĐĐ	51	4,5	B207	17/8/2025
135	Q.lý P.triển đô thị và BĐS K68	Trắc địa BD & QLĐĐ	46	4,5	D3-2	17/8/2025
136	KT trắc địa K68	Trắc địa BD & QLĐĐ	17	4,5	D3-4	17/8/2025
137	KT trắc địa-bản đồ K68	Trắc địa BD & QLĐĐ	18	4,5	D3-4	17/8/2025
138	Quản lý đất đai K68 A	Trắc địa BD & QLĐĐ	49	2,3	D4-2	17/8/2025
139	Địa tin học K68	Trắc địa BD & QLĐĐ	37	9,10	D4-3	17/8/2025
140	Địa tin học K69	Trắc địa BD & QLĐĐ	46	9,10	D3-2	17/8/2025
141	Quản lý đất đai K69 B	Trắc địa BD & QLĐĐ	46	4,5	D3-3	17/8/2025
142	Q.lý P.triển đô thị và BĐS K69 A	Trắc địa BD & QLĐĐ	29	7,8	D3-4	17/8/2025
143	Q.lý P.triển đô thị và BĐS K69 B	Trắc địa BD & QLĐĐ	28	7,8	D3-4	17/8/2025
144	Quản lý đất đai K69 A	Trắc địa BD & QLĐĐ	45	4,5	D4-2	17/8/2025
145	Kỹ thuật trắc địa - bản đồ K69	Trắc địa BD & QLĐĐ	61	9,10	D4-2	17/8/2025
146	Các lớp tồn đọng khoa Trắc địa BD & QLĐĐ	Trắc địa BD & QLĐĐ		7,8	D3-2	17/8/2025
147	Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống TĐN K67	Xây dựng	9	2,3	B506	17/8/2025
148	Quản lý xây dựng K67 C	Xây dựng	34	9,10	B506	17/8/2025

149	Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống TĐN K68	Xây dựng	7	2,3	B506	17/8/2025
150	Các lớp tồn đọng khoa Xây dựng	Xây dựng		2,3	B501	17/8/2025
151	Mạng máy tính A-K66	CNTT	44	9,10	B507	24/8/2025
152	Mạng máy tính D-K66	CNTT	41	4,5	D3-3	24/8/2025
153	Mạng máy tính E-K66	CNTT	41	9,10	D3-4	24/8/2025
154	Khoa học Dữ liệu_K67A	CNTT	51	7,8	D3-3	24/8/2025
155	Mạng máy tính B-K67	CNTT	41	7,8	D3-4	24/8/2025
156	Công nghệ phần mềm K68	CNTT	13	2,3	A308	24/8/2025
157	Tin học Kinh tế K68	CNTT	13	4,5	A308	24/8/2025
158	Mạng máy tính K68	CNTT	13	9,10	D3-2	24/8/2025
159	Công nghệ Thông tin A-K69	CNTT	43	2,3	D3-2	24/8/2025
160	Công nghệ Thông tin C-K69	CNTT	43	7,8	D3-2	24/8/2025
161	Công nghệ Thông tin B-K69	CNTT	37	9,10	D3-3	24/8/2025
162	Các lớp tồn đọng khoa CNTT	CNTT		9,10	B502	24/8/2025
163	Hệ thống điện K66	Cơ - Điện	30	7,8	A308	24/8/2025
164	Kỹ thuật cơ điện tử B K66	Cơ - Điện	32	2,3	D4-3	24/8/2025
165	Điện - Điện tử K66	Cơ - Điện	40	4,5	D4-3	24/8/2025
166	Điện công nghiệp K66	Cơ - Điện	43	7,8	D4-3	24/8/2025
167	Máy và thiết bị mỏ K66	Cơ - Điện	20	9,10	D4-3	24/8/2025
168	Kỹ thuật cơ khí động lực K67	Cơ - Điện	16	2,3	D4-2	24/8/2025
169	Điện - Điện tử K67	Cơ - Điện	44	4,5	D4-2	24/8/2025
170	CN KTĐ-ĐT K67	Cơ - Điện	59	7,8	D4-2	24/8/2025
171	Điện Công nghiệp 1- K68	Cơ - Điện	59	9,10	D4-2	24/8/2025
172	CN KTĐ-ĐT K68	Cơ - Điện	37	2,3	D5-2	24/8/2025
173	Điện Công nghiệp 2- K68	Cơ - Điện	59	2,3	D5-3	24/8/2025
174	Hệ thống điện - K68	Cơ - Điện	48	4,5	D5-3	24/8/2025
175	Kỹ thuật ô tô K68	Cơ - Điện	44	7,8	D5-3	24/8/2025
176	Điện - Điện tử K68	Cơ - Điện	59	9,10	D5-3	24/8/2025
177	Điện công nghiệp B K69	Cơ - Điện	51	9,10	A308	24/8/2025
178	Điện công nghiệp C K69	Cơ - Điện	50	2,3	B205	24/8/2025
179	Kỹ thuật cơ điện tử K69 A	Cơ - Điện	36	4,5	B205	24/8/2025
180	Kỹ thuật cơ điện tử K69 B	Cơ - Điện	36	4,5	B205	24/8/2025
181	CN KTĐ-ĐT K69	Cơ - Điện	44	7,8	B205	24/8/2025
182	Công nghệ Chế tạo máy A K69	Cơ - Điện	37	4,5	D5-2	24/8/2025
183	Công nghệ Chế tạo máy B K69	Cơ - Điện	37	7,8	D5-2	24/8/2025
184	Hệ thống điện K69	Cơ - Điện	44	9,10	D5-2	24/8/2025
185	Các lớp tồn đọng khoa Cơ - Điện	Cơ - Điện		7,8	B501	24/8/2025
186	Công nghệ Kỹ thuật hóa học K66	Dầu khí và NL	24	4,5	D3-2	24/8/2025

187	Thiết bị dầu khí K67	Dầu khí và NL	20	2,3	D3-3	24/8/2025
188	Địa chất dầu khí K69	Dầu khí và NL	15	2,3	D3-4	24/8/2025
189	Kỹ thuật địa vật lý K69	Dầu khí và NL	2	4,5	D3-4	24/8/2025
190	Quản lý dữ liệu khoa học trái đất K69	Dầu khí và NL	4	4,5	D3-4	24/8/2025
191	Công nghệ số trong thăm dò & KT tài nguyên TN 69	Dầu khí và NL	6	4,5	D3-4	24/8/2025
192	Các lớp tồn đọng khoa Dầu khí và NL	Dầu khí và NL		4,5	B501	24/8/2025
193	Kỹ thuật khí thiên nhiên_K68	Dầu khí và NL	5	GVCN tự bố trí		
194	Địa kỹ thuật xây dựng 66	KH KT Địa chất	23	2,3	B504	24/8/2025
195	Kỹ thuật Địa chất K66	KH KT Địa chất	19	4,5	B504	24/8/2025
196	ĐCCT-Địa kỹ thuật-K66	KH KT Địa chất	11	9,10	B505	24/8/2025
197	Địa chất học K66	KH KT Địa chất	11	2,3	B507	24/8/2025
198	Kỹ thuật Địa chất K67	KH KT Địa chất	20	2,3	B505	24/8/2025
199	Đá quý, đá mỹ nghệ K67	KH KT Địa chất	10	4,5	B505	24/8/2025
200	Kỹ thuật Tài nguyên nước K67	KH KT Địa chất	7	7,8	B505	24/8/2025
201	Địa chất học K67	KH KT Địa chất	13	2,3	B506	24/8/2025
202	Du lịch Địa chất K67	KH KT Địa chất	37	7,8	B506	24/8/2025
203	Địa kỹ thuật Xây dựng K67	KH KT Địa chất	21	9,10	B506	24/8/2025
204	Đá quý, đá mỹ nghệ - K68	KH KT Địa chất	6	2,3	B503	24/8/2025
205	Kỹ Thuật địa chất	KH KT Địa chất	29	4,5	B503	24/8/2025
206	Du lịch địa chất - K68	KH KT Địa chất	37	7,8	B504	24/8/2025
207	Địa kỹ thuật XD - K68	KH KT Địa chất	28	9,10	B504	24/8/2025
208	Địa chất học - K68	KH KT Địa chất	18	4,5	B506	24/8/2025
209	Đá quý - Đá mỹ nghệ K69	KH KT Địa chất	10	2,3	B502	24/8/2025
210	Tài nguyên nước - K69	KH KT Địa chất	11	4,5	B502	24/8/2025
211	Kỹ Thuật địa chất K69	KH KT Địa chất	33	7,8	B502	24/8/2025
212	Địa chất học - K69	KH KT Địa chất	35	7,8	B503	24/8/2025
213	Du lịch địa chất A - K69	KH KT Địa chất	40	9,10	B503	24/8/2025
214	Du lịch địa chất B - K69	KH KT Địa chất	41	4,5	B507	24/8/2025
215	Địa kỹ thuật xây dựng A- K69	KH KT Địa chất	28	7,8	B507	24/8/2025
216	Địa kỹ thuật xây dựng B- K69	KH KT Địa chất	28	7,8	B507	24/8/2025
217	Các lớp tồn đọng khoa KH KT Địa chất	KH KT Địa chất		9,10	B404	24/8/2025
218	KT.Tài nguyên nước - K68	KH KT Địa chất	3	GVCN tự bố trí		
219	Hóa dược K67	Khoa học cơ bản	13	2,3	B404	24/8/2025
220	Hóa dược K68	Khoa học cơ bản	37	4,5	B404	24/8/2025
221	Hóa dược K69	Khoa học cơ bản	28	7,8	B404	24/8/2025
222	Quản trị thương mại điện tử_67C	Kinh tế & QTKD	57	2,3	B201	24/8/2025
223	Quản trị thương mại điện tử_67D	Kinh tế & QTKD	58	4,5	B201	24/8/2025
224	Quản trị kinh doanh_67A	Kinh tế & QTKD	33	7,8	B204	24/8/2025

225	Quản trị kinh doanh_67B	Kinh tế & QTKD	34	9,10	B204	24/8/2025
226	Kế toán_K67A1	Kinh tế & QTKD	57	2,3	D1-1	24/8/2025
227	Kế toán_K67A2	Kinh tế & QTKD	53	2,3	D1-1	24/8/2025
228	Kế toán_K67B1	Kinh tế & QTKD	59	4,5	D1-1	24/8/2025
229	Quản trị Marketing truyền thông_67A	Kinh tế & QTKD	50	7,8	D1-1	24/8/2025
230	Quản trị Marketing truyền thông_67B	Kinh tế & QTKD	51	7,8	D1-1	24/8/2025
231	Quản trị Marketing truyền thông_67C	Kinh tế & QTKD	50	9,10	D1-1	24/8/2025
232	Kế toán_K67B2	Kinh tế & QTKD	53	2,3	D2-1	24/8/2025
233	Kế toán_K67C2	Kinh tế & QTKD	50	2,3	D2-1	24/8/2025
234	Kế toán_K67C1	Kinh tế & QTKD	57	4,5	D2-1	24/8/2025
235	Tài chính - ngân hàng_K67A	Kinh tế & QTKD	52	7,8	D2-1	24/8/2025
236	Tài chính - ngân hàng_K67B	Kinh tế & QTKD	49	7,8	D2-1	24/8/2025
237	Tài chính - ngân hàng_K67C	Kinh tế & QTKD	51	9,10	D2-1	24/8/2025
238	Quản trị thương mại điện tử_67A	Kinh tế & QTKD	60	7,8	D3-1	24/8/2025
239	Quản trị thương mại điện tử_67B	Kinh tế & QTKD	58	7,8	D3-1	24/8/2025
240	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng_67A	Kinh tế & QTKD	62	2,3	D4-1	24/8/2025
241	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng_67B	Kinh tế & QTKD	60	4,5	D4-1	24/8/2025
242	Quản lý công nghiệp A_67	Kinh tế & QTKD	48	7,8	D4-1	24/8/2025
243	Quản lý công nghiệp B_67	Kinh tế & QTKD	48	9,10	D4-1	24/8/2025
244	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng_K68	Kinh tế & QTKD	64	7,8	B201	24/8/2025
245	Quản lý công nghiệp-K68	Kinh tế & QTKD	24	9,10	B201	24/8/2025
246	Quản trị kinh doanh_K68	Kinh tế & QTKD	19	2,3	B303	24/8/2025
247	Quản trị Marketing truyền thông_K68	Kinh tế & QTKD	25	4,5	B303	24/8/2025
248	Kế toán_K68	Kinh tế & QTKD	41	7,8	B303	24/8/2025
249	Quản trị thương mại điện tử_K68	Kinh tế & QTKD	20	9,10	B303	24/8/2025
250	Tài chính - ngân hàng_K68	Kinh tế & QTKD	33	2,3	B405	24/8/2025
251	Kế toán_K69	Kinh tế & QTKD	47	4,5	B405	24/8/2025
252	Quản trị kinh doanh_K69	Kinh tế & QTKD	20	7,8	B405	24/8/2025
253	Tài chính - Ngân hàng_K69	Kinh tế & QTKD	42	9,10	B405	24/8/2025
254	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng A_K69	Kinh tế & QTKD	39	2,3	D3-1	24/8/2025
255	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng B_K69	Kinh tế & QTKD	39	2,3	D3-1	24/8/2025
256	Quản lý công nghiệp K69	Kinh tế & QTKD	36	4,5	D3-1	24/8/2025
257	Quản trị thương mại điện tử_K69	Kinh tế & QTKD	39	9,10	D3-1	24/8/2025
258	Các lớp tồn đọng khoa Kinh tế & QTKD	Kinh tế & QTKD		2,3	B501	24/8/2025
259	Khai thác mỏ K66	Mỏ	54	9,10	B205	24/8/2025
260	Tuyển khoáng K66	Mỏ	4	GVCN tự bố trí		
261	Khai thác mỏ K67	Mỏ	37	2,3	B207	24/8/2025
262	Tuyển khoáng K67	Mỏ	10	4,5	B207	24/8/2025
263	An toàn vệ sinh lao động K67	Mỏ	25	7,8	B207	24/8/2025

264	Tuyển khoáng K68	Mỏ	6	2,3	B203	24/8/2025
265	An toàn, vệ sinh lao động K68	Mỏ	16	4,5	B203	24/8/2025
266	Khai thác mỏ K68	Mỏ	48	9,10	B207	24/8/2025
267	Khai thác mỏ K69A	Mỏ	35	7,8	B203	24/8/2025
268	Khai thác mỏ K69B	Mỏ	35	9,10	B203	24/8/2025
269	Tuyển khoáng K69	Mỏ	18	2,3	B204	24/8/2025
270	An toàn, vệ sinh lao động K69	Mỏ	21	4,5	B204	24/8/2025
271	Các lớp tồn đọng khoa Mỏ	Mỏ		9,10	B501	24/8/2025
272	Xây dựng công trình ngầm K66	Xây dựng	20	2,3	A303	24/8/2025
273	Xây dựng dân dụng và công nghiệp K66	Xây dựng	20	7,8	A303	24/8/2025
274	Xây dựng Hạ tầng cơ sở K66	Xây dựng	21	2,3	A306	24/8/2025
275	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K66	Xây dựng	5	7,8	A306	24/8/2025
276	Xây dựng công trình ngầm K67	Xây dựng	41	2,3	A402	24/8/2025
277	Xây dựng dân dụng và công nghiệp K67	Xây dựng	44	7,8	A402	24/8/2025
278	Xây dựng Hạ tầng cơ sở K67	Xây dựng	42	2,3	A404	24/8/2025
279	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K67	Xây dựng	34	2,3	A408	24/8/2025
280	Quản lý xây dựng K67 B	Xây dựng	32	7,8	A408	24/8/2025
281	Quản lý xây dựng K67 A	Xây dựng	28	2,3	B401	24/8/2025
282	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K68B	Xây dựng	30	2,3	A306	24/8/2025
283	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông K68A	Xây dựng	31	7,8	A306	24/8/2025
284	Quản lý Xây dựng K68C	Xây dựng	45	4,5	A402	24/8/2025
285	Xây dựng Hạ tầng cơ sở K68	Xây dựng	45	4,5	A404	24/8/2025
286	Xây dựng dân dụng và công nghiệp K68	Xây dựng	46	2,3	A406	24/8/2025
287	Xây dựng công trình ngầm K68	Xây dựng	41	7,8	A406	24/8/2025
288	Quản lý Xây dựng K68A	Xây dựng	45	4,5	B401	24/8/2025
289	Quản lý Xây dựng K68B	Xây dựng	46	7,8	B401	24/8/2025
290	Kỹ thuật xây dựng K69 A	Xây dựng	55	4,5	A303	24/8/2025
291	Quản lý xây dựng K69 B	Xây dựng	65	9,10	A303	24/8/2025
292	Kỹ thuật xây dựng K69 F	Xây dựng	54	4,5	A306	24/8/2025
293	Kỹ thuật X.dựng C.trình G.thông K69 A	Xây dựng	40	9,10	A306	24/8/2025
294	Kỹ thuật xây dựng K69 D	Xây dựng	54	9,10	A402	24/8/2025
295	Quản lý xây dựng K69 C	Xây dựng	65	7,8	A404	24/8/2025
296	Kỹ thuật X.dựng C.trình G.thông K69 B	Xây dựng	40	9,10	A404	24/8/2025
297	Kỹ thuật xây dựng K69 C	Xây dựng	55	4,5	A406	24/8/2025
298	Kỹ thuật xây dựng K69 B	Xây dựng	55	9,10	A406	24/8/2025
299	Kỹ thuật xây dựng K69 E	Xây dựng	54	4,5	A408	24/8/2025
300	Xây dựng công trình ngầm thành phố và hệ thống TĐN K69	Xây dựng	15	9,10	A408	24/8/2025

301	Quản lý xây dựng K69 A	Xây dựng	65	9,10	B401	24/8/2025
-----	------------------------	----------	----	------	------	-----------

Lưu ý:

- Các thầy cô GVCN SHL theo lịch để thuận tiện cho công tác đánh giá GVCN;
- Những lớp có số lượng từ 5 sinh viên trở xuống, GVCN lựa chọn hình thức phù hợp để sinh hoạt lớp và gửi thông báo về phòng Công tác Chính trị - Sinh viên theo địa chỉ email ***congtacchinhtrisinhhvien@hung.edu.vn***.

